|  |  |
| --- | --- |
| **NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC****VIỆT NAM** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
| Số: /2021/TT-NHNN | *Hà Nội, ngày tháng năm 2021* |

Dự thảo

**THÔNG TƯ**

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 52/2018/TT-NHNN ngày 31/12/2018 quy định xếp hạng tổ chức tín dụng, chi nhánh**

**ngân hàng nước ngoài.**

*Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;*

*Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các tổ chức tín dụng ngày 20 tháng 11 năm 2017;*

*Căn cứ Nghị định số 16/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;*

*Theo đề nghị của Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng;*

*Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 52/2018/TT-NHNN ngày 31/12/2018 quy định xếp hạng tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.*

**Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 52/2018/TT-NHNN ngày 31/12/2018 quy định xếp hạng tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.**

1. Khoản 1 Điều 3 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“1. Tỷ lệ an toàn vốn là chỉ tiêu được xác định theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về các giới hạn, tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài”.

2. Khoản 2 Điều 3 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“2. Tỷ lệ an toàn vốn cấp 1 là chỉ tiêu được xác định cụ thể như sau:

a) Trường hợp tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện tỷ lệ an toàn vốn theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về các giới hạn, tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (không bao gồm Thông tư số 41/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định tỷ lệ an toàn vốn đối với ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và các văn bản pháp luật sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có) (sau đây gọi tắt là Thông tư 41/2016/TT-NHNN)), tỷ lệ an toàn vốn cấp 1 được xác định bằng công thức:

$$Tỷ lệ an toàn vốn cấp 1 \left(\%\right)=\frac{Vốn cấp 1 riêng lẻ}{Tổng tài sản Có rủi ro riêng lẻ} ×100\%$$

b) Trường hợp tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện tỷ lệ an toàn vốn theo Thông tư số 41/2016/TT-NHNN, tỷ lệ an toàn vốn cấp 1 được xác định bằng công thức:

$$Tỷ lệ an toàn vốn cấp 1 \left(\%\right)=\frac{Vốn cấp 1}{RWA+12,5 ×\left(K\_{OR}+K\_{MR}\right)} ×100\%$$

Trong đó:

* RWA: Tổng tài sản tính theo rủi ro tín dụng
* $K\_{OR}$: Vốn yêu cầu cho rủi ro hoạt động

- $K\_{MR}$: Vốn yêu cầu cho rủi ro thị trường

3. Khoản 5 Điều 3 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“5. Khách hàng có dư nợ tín dụng lớn là khách hàng (không bao gồm tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài) có dư nợ cấp tín dụng chiếm từ 5% vốn tự có trở lên của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài). Riêng đối với Ngân hàng Hợp tác xã, khách hàng có dư nợ tín dụng lớn bao gồm cả Quỹ tín dụng nhân dân thành viên”.

4. Gạch đầu dòng thứ hai tại khoản 10 Điều 3 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“- Tài sản Có sinh lãi bình quân là tổng các khoản mục Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước, Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác và cho vay các tổ chức tín dụng khác (không bao gồm dự phòng rủi ro), Cho vay khách hàng (không bao gồm dự phòng rủi ro), Mua nợ (không bao gồm dự phòng rủi ro), Chứng khoán đầu tư (không bao gồm dự phòng rủi ro, dự phòng giảm giá, không bao gồm trái phiếu VAMC), phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo quy định của pháp luật về chế độ báo cáo tài chính đối với các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, được tính bình quân các quý trong năm”.

5. Gạch đầu dòng thứ hai tại khoản 15 Điều 3 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“- Nợ phải trả nhạy cảm lãi suất là Tổng nợ phải trả nội bảng cân đối kế toán nhạy cảm với lãi suất (không bao gồm nợ phải trả không chịu lãi) phản ánh trên Thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật về chế độ báo cáo tài chính đối với các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài”.

6. Khoản 16 Điều 3 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“16. Mức phạt tiền trung bình đối với vi phạm là giá trị trung bình của mức phạt tiền tối đa và mức phạt tiền tối thiểu của khung tiền phạt áp dụng đối với hành vi vi phạm của tổ chức được quy định tại Nghị định quy định xử phạt hành chính trong lĩnh vực tiền tệ, ngân hàng có hiệu lực tại thời điểm 31/12 năm xếp hạng (đối với trường hợp xếp hạng trên cơ sở số liệu tại thời điểm ngày 31/12 năm xếp hạng) hoặc ngày cuối cùng của quý liền kề thời điểm thực hiện xếp hạng (đối với trường hợp xếp hạng đột xuất)”.

7. Khoản 1 Điều 5 được sửa đổi, bổ sung như sau:

*“1.Tài liệu, thông tin, dữ liệu sử dụng để xếp hạng:*

*a) Tài liệu, thông tin, dữ liệu của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài gửi Ngân hàng Nhà nước theo quy định pháp luật về chế độ báo cáo, thống kê;*

*b) Thông tin, dữ liệu tại báo cáo tài chính được kiểm toán của tổ chức tín dụng, chi nhánh nước ngoài theo quy định của pháp luật;*

*c) Kết quả giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền theo quy định của pháp luật (bao gồm Ngân hàng Nhà nước, các cơ quan quản lý nhà nước khác và công ty kiểm toán độc lập);*

*d) Các tài liệu, thông tin và dữ liệu khác của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài gửi Ngân hàng Nhà nước theo quy định pháp luật và theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước”.*

8. Bãi bỏ điểm đ Khoản 1 Điều 8.

9. Số thứ tự 4.1 Điều 14 về Tỷ lệ lợi nhuận trước thuế so với vốn chủ sở hữu bình quân được sửa đổi, bổ sung như sau:

 “Chỉ tiêu định lượng có giá trị càng lớn thì mức độ rủi ro càng thấp, ngoại trừ trường hợp lợi nhuận trước thuế và vốn chủ sở hữu bình quân có giá trị âm”.

10. Số thứ tự 2.2 và 2.3 Điều 15 về trọng số (%) đối với Ngân hàng hợp tác xã được sửa đổi, bổ sung như sau:

“a) Số thứ tự 2.2 Điều 15: 25%.

“b) Số thứ tự 2.3 Điều 15: 15%”.

11. Khoản 2, 3 Điều 16 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“2. Điểm 5 nếu tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không có hành vi vi phạm quy định pháp luật về tiền tệ và ngân hàng được phát hiện trong năm xếp hạng và các vi phạm phát hiện trước năm xếp hạng đã khắc phục xong tại từng chỉ tiêu trong nhóm chỉ tiêu định tính.

3. Các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài sẽ nhận các mức điểm thấp dần khi vi phạm các quy định pháp luật nêu tại các chỉ tiêu trong nhóm chỉ tiêu định tính quy định tại Điều 7, 8, 9, 10, 11, 12 Thông tư này. Các vi phạm của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được sử dụng để tính điểm theo nguyên tắc sau:

a) Vi phạm được sử dụng để tính điểm nhóm chỉ tiêu định tính bao gồm:

(i) Vi phạm được xác định thông qua kết quả giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền theo quy định của pháp luật (bao gồm Ngân hàng Nhà nước, các cơ quan quản lý nhà nước khác và công ty kiểm toán độc lập) hoặc quyết định xử phạt vi phạm hành chính của các cấp có thẩm quyền;

(ii) Vi phạm do tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tự phát hiện và báo cáo.

b) Các vi phạm được phát hiện trong năm xếp hạng:

(i) Đối với hành vi vi phạm có quy định mức phạt tiền tại Nghị định quy định xử phạt hành chính trong lĩnh vực tiền tệ, ngân hàng, điểm của nhóm chỉ tiêu định tính sẽ được xác định căn cứ vào mức tiền phạt trung bình đối với vi phạm, cụ thể như sau:

- Điểm 4 nếu mức phạt tiền trung bình đối với vi phạm nhỏ hơn hoặc bằng 100 triệu đồng;

- Điểm 3 nếu mức phạt tiền trung bình đối với vi phạm nhỏ hơn hoặc bằng 200 triệu đồng và lớn hơn 100 triệu đồng;

- Điểm 2 nếu mức phạt tiền trung bình vi phạm nhỏ hơn hoặc bằng 300 triệu đồng và lớn hơn 200 triệu đồng;

- Điểm 1 nếu mức phạt tiền trung bình đối với vi phạm lớn hơn 300 triệu đồng.

(ii) Đối với các hành vi vi phạm khác, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài sẽ nhận mức điểm 4;

(iii) Trường hợp vi phạm nhiều quy định khác nhau (tại cùng một nhóm chỉ tiêu định tính) tương ứng với các mức điểm khác nhau, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài sẽ nhận mức điểm thấp nhất trong số các mức điểm tương ứng với các vi phạm;

(iv) Sau khi xác định mức điểm đối với nhóm chỉ tiêu định tính căn cứ vào quy định nêu tại Điểm b (i), b (ii), b (iii) Khoản này, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài sẽ tiếp tục bị trừ điểm với điều kiện số điểm trừ tối đa không nhiều hơn 0,9 điểm theo nguyên tắc như sau:

 - Tại cùng một nhóm chỉ tiêu định tính, trường hợp tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài vi phạm nhiều lần đối với cùng một quy định và/hoặc vi phạm nhiều lần đối với các quy định khác nhau sẽ bị trừ 0,1 điểm đối với mỗi lần vi phạm (áp dụng từ lần vi phạm thứ hai trở lên).

- Riêng đối với trường hợp vi phạm do tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tự phát hiện và báo cáo và chưa khắc phục xong, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài sẽ bị trừ 0,05 điểm đối với mỗi vi phạm (áp dụng từ lần vi phạm thứ hai trở lên).

(v) Riêng vi phạm do tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tự phát hiện và báo cáo nhưng đã khắc phục xong trong năm xếp hạng theo đánh giá của Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng thì không bị tính điểm.

c) Các vi phạm được phát hiện trước năm xếp hạng chưa được khắc phục xong được sử dụng để chấm điểm trong năm xếp hạng theo quy định tại Điểm b (i), b (ii), b (iii), b (iv) Khoản này cho đến khi tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài hoàn thành khắc phục”.

12. Khoản 4 Điều 16 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“4. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài chưa hoặc không thuộc đối tượng phải tuân thủ hoặc các chỉ tiêu trong nhóm chỉ tiêu định tính theo quy định của pháp luật về tiền tệ và ngân hàng thì chưa hoặc không bị tính điểm đối với một hoặc các chỉ tiêu đó”.

13. Khoản 6 Điều 20 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“6. Ngoài quy định nêu tại Khoản 4 Điều 20 Thông tư này, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài xếp hạng (D) nếu lâm vào một trong các trường hợp sau đây:

a) Không duy trì được tỷ lệ khả năng chi trả quy định tại điểm a khoản 1 Điều 130 của Luật các tổ chức tín dụng (đã được sửa đổi, bổ sung) trong thời gian 03 tháng liên tục;

b) Không duy trì được tỷ lệ an toàn vốn quy định tại điểm b khoản 1 Điều 130 của Luật các tổ chức tín dụng (đã được sửa đổi, bổ sung) trong thời gian 06 tháng liên tục”.

14. Khoản 7 Điều 20 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“7. Ngoài quy định nêu tại Khoản 5 Điều 20 Thông tư này, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài xếp hạng E chưa được NHNN đặt vào tình trạng kiểm soát đặc biệt nếu lâm vào một trong các trường hợp sau đây:

a) Mất, có nguy cơ mất khả năng chi trả hoặc mất, có nguy cơ mất khả năng thanh toán theo quy định của Ngân hàng Nhà nước;

b) Số lỗ lũy kế của tổ chức tín dụng lớn hơn 50% giá trị của vốn điều lệ và các quỹ dự trữ;

c) Không duy trì được tỷ lệ an toàn vốn quy định tại điểm b khoản 1 Điều 130 của Luật các tổ chức tín dụng trong thời gian 12 tháng liên tục hoặc tỷ lệ an toàn vốn thấp hơn 4% trong thời gian 06 tháng liên tục”.

15. Bổ sung Khoản 8 vào Điều 20 như sau:

“8. Tổng điểm xếp hạng được làm tròn đến số thập phân thứ hai và theo nguyên tắc như sau:

a) Số thập phân thứ hai tăng 0,01 điểm nếu số thập phân thứ ba có giá trị từ 6 đến 9;

b) Giữ nguyên số thập phân thứ hai nếu số thập phân thứ ba có giá trị từ 0 đến 5”.

16. Sửa đổi, bổ sung Khoản 3 Điều 21 như sau:

“3. Căn cứ yêu cầu quản lý nhà nước và đối với từng trường hợp tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đang được trình cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án cơ cấu lại, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định thời gian thực hiện xếp hạng và phê duyệt kết quả xếp hạng khác quy định tại Khoản 1, 2 Điều này”.

**Điều 2. Hiệu lực thi hành**

Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày tháng năm 2021.

**Điều 3. Tổ chức thực hiện**

Chánh Văn phòng Ngân hàng Nhà nước, Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Ngân hàng Nhà nước, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên và Tổng giám đốc (Giám đốc) tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài trong phạm vi chức năng của mình chịu trách nhiệm tổ chức, thực hiện Thông tư này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như Điều 3;- Ban Lãnh đạo NHNN;- Văn phòng Chính phủ;- Bộ Tư pháp;- Công báo;- Lưu: VP, PC, TTGSNH4 (3 bản). | **KT. THỐNG ĐỐC****PHÓ THỐNG ĐỐC****Đoàn Thái Sơn** |